



KIỂM SOÁT RỦI RO HOẠT ĐỘNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN CHI NHÁNH TRÀ VINH

LÊ THÀNH LÂN, DƯƠNG THỊ THANH PHƯƠNG

Để nghiên cứu về rủi ro hoạt động tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Trà Vinh (Sacombank Chi nhánh Trà Vinh,) nhóm tác giả đã khảo sát trực tiếp 138 phiếu, trong đó khách hàng (20%) và cán bộ nhân viên đang làm việc tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh (80%). Thông qua phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh phân tích hồi quy tuyến tính, nghiên cứu cho thấy, có 07 nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro hoạt động tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh... Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm khắc phục các hạn chế trong kiểm soát rủi ro hoạt động trong thời gian tới.

Từ khóa: Rủi ro hoạt động, Sacombank chi nhánh Trà Vinh, hàm ý chính sách

CONTROL OF OPERATING RISKS AT SAIGON COMMERCIAL JOINT STOCK BANK TRA VINH BRANCH

Le Thanh Lan, Duong Thi Thanh Phuong

To study operational risks at Sacombank Tra Vinh Branch, the author group surveyed directly 138 respondents, of which customers (20%) and staff working at Sacombank Tra Vinh Branch (80%). Through descriptive statistical methods, linear regression analysis, the study shows that there are 07 factors affecting operational risk at Sacombank Tra Vinh Branch ... From the results of the study, the authors propose some administrative implications to overcome limitations in operating risk control in the future.

Key words: Operational risk, Sacombank Tra Vinh, policy implications ...

Ngày nhận bài: 21/4/2020

Ngày hoàn thiện biên tập: 5/5/2020

Ngày duyệt đăng: 11/5/2020

Ngân hàng thương mại (NHTM) luôn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt ở các nước đang phát triển như Việt Nam. NHTMCP Sacombank hiện nay không chỉ triển khai các dịch vụ truyền thống mà liên tục đưa thêm nhiều dịch vụ cao cấp, tiện ích hơn, mang lại nhiều lợi

nhuận hơn cho khách hàng.

Thực tế cho thấy, kinh doanh ngân hàng luôn đối mặt với nhiều loại rủi ro trên các lĩnh vực và phạm vi khác nhau, trong đó, rủi ro hoạt động liên quan tới con người, hệ thống, quy trình, thủ tục nội bộ và sự kiện bên ngoài. Các yếu tố này rất đa dạng và luôn biến đổi, nên rủi ro hoạt động (RRHD) xuất hiện trong mọi hoạt động của ngân hàng. Hiệp ước Basel II ra đời, khắc phục hạn chế của Basel I, trong đó, đặc biệt đề cập tới RRHD, loại rủi ro đang ngày càng diễn biến phức tạp. Đây là một thay đổi lớn, ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả hoạt động của NHTM.

Chiến lược phát triển của Sacombank là kiên định với mục tiêu “trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu khu vực” cùng với định hướng “hoạt động hiệu quả - an toàn - bền vững”. Do vậy, nghiên cứu các giải pháp giúp tăng cường công tác kiểm soát RRHD tại NHTMCP Sacombank Trà Vinh là cần thiết.

Lược khảo tài liệu nghiên cứu

Trên thế giới, liên quan đến vấn đề kiểm soát RRHD của các ngân hàng, có thể kể đến việc Ngân hàng Bangladesh ban hành Tài liệu quản lý rủi ro “Kiểm soát nội bộ và tuân thủ khuôn khổ về Hệ thống kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng” hay Sổ tay kiểm toán viên do Bộ Kiểm soát Tiền tệ Hoa Kỳ ban hành, áp dụng cho hoạt động giám sát ngân hàng và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng.

Tại Việt Nam, Lê Thị Mai Hương (2013) nghiên cứu về “Tăng cường quản lý RRHD tại NHTMCP

Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An”, trên cơ sở vận dụng phép duy vật biện chứng, với các dữ liệu thứ cấp có sẵn, áp dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp để chứng minh và đánh giá các vấn đề. Tác giả dựa trên các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học là phương pháp thực chứng và phương pháp phân tích chuẩn tắc để đánh giá và tìm giải pháp cho nghiên cứu.

Bùi Mạnh Hùng (2016) nghiên cứu về “Giải pháp hạn chế RRHD tại NHTMCP Sacombank Chi nhánh Thanh Trì”, đo lường dựa trên các thống kê về lãi suất, tỷ giá, doanh thu hoạt động, số lượng khách hàng. Kết quả nghiên cứu đánh giá một cách khoa học thực trạng RRHD, nhận diện để có biện pháp hạn chế rủi ro trong hệ thống Sacombank và thực tế tại Sacombank Chi nhánh Thanh Trì.

Như vậy, đã có những nghiên cứu về RRHD của ngân hàng ở các góc độ. Hiện nay, trước những bất ổn của nền kinh tế, tiền tệ thế giới, khu vực và bối cảnh chung của môi trường cạnh tranh trong nước, cần tiếp tục nghiên cứu nhằm bổ sung, hoàn thiện sơ sở lý luận và thực tiễn, đưa ra các giải pháp kiểm soát RRHD của ngân hàng một cách thiết thực hơn. Những kết quả nghiên cứu này có thể được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động, tăng cường quản lý tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh và các NHTM khác, nhằm ổn định thị trường tài chính tiền tệ, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống các lý thuyết về kiểm soát RRHD và nội dung kiểm soát RRHD, kế thừa các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 10 nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát RRHD.

Dựa vào mô hình nghiên cứu đề xuất, tác giả xây dựng mô hình hồi quy có dạng sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 * H1 + \beta_2 * H2 + \beta_3 * H3 + \beta_4 * H4 + \beta_5 * H5 + \beta_6 * H6 + \beta_7 * H7(KNPN) + \beta_8 * H8 + \beta_9 * H9 + \beta_{10} * H10 + e_i$$

Trong đó:

+ e_i : Sai số

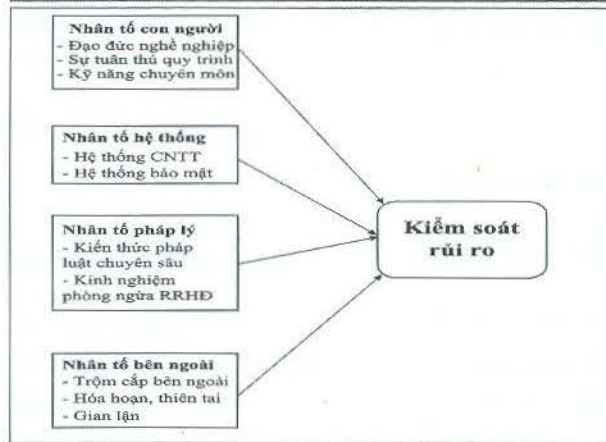
+ Y: Biến phụ thuộc thể hiện mức độ kiểm soát tốt hay không tốt.

+ β_0 : Hệ số tự do, thể hiện giá trị trung bình của sự hài lòng khi các biến độc lập trong mô hình bằng 0.

+ β_i ($i = 1, n$): Hệ số hồi quy của các biến độc lập tương ứng.

Với kết quả khảo sát việc phòng ngừa RRHD, nhóm tác giả đưa ra kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Phân tích tần suất để làm sạch

HÌNH 1: MÔ HÌNH KIỂM SOÁT RỦI RO HOẠT ĐỘNG TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH TRÀ VINH



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả, 2019

dữ liệu, sau đó, rút ra 10 biến quan sát đưa thành mô hình hồi quy; Tiếp theo, kiểm định độ tin cậy của nhóm biến, kiểm định độ phù hợp của mô hình, kiểm định phân phối chuẩn, kiểm tra đa cộng tuyến.

Kết quả nghiên cứu

Phân tích hồi quy tuyến tính sẽ giải quyết được mục tiêu nghiên cứu cũng như giả thuyết đã đề ra là có mối quan hệ tuyến tính cùng chiều trong RRHD, thành phần nào tác động mạnh nhất sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy tuyến tính.

Kết quả phân tích không cho thấy sự đa cộng tuyến giữa các biến độc lập khi không có giá trị VIF nào $> 3,0$. Đồ thị phần dư biểu diễn theo biến phụ thuộc dự báo cũng phân tán ngẫu nhiên, chứng tỏ không xảy ra hiện tượng phương sai không đều. Kết quả này phù hợp để nhận xét kết quả phân tích hồi quy về ảnh hưởng của các biến độc lập.

3 biến tác động không có ý nghĩa thống kê là: Nhân tố bên ngoài (Trộm cắp bên ngoài; hỏa hoạn, thiên tai; gian lận) vì có mức ý nghĩa $> 5\%$. Tất cả các biến còn lại đều tác động có ý nghĩa thống kê ở mức 5% . Như vậy, kết quả phân tích ủng hộ các giả thuyết: H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7 và không ủng hộ các giả thuyết H8, H9 và H10 theo mô hình hiệu chỉnh.

Căn cứ vào độ lớn của các hệ số hồi quy chuẩn hóa, biến Kinh nghiệm phòng ngừa có tầm quan trọng lớn nhất ($\beta = 0,39$), tiếp đến là Nhân viên am hiểu Pháp lý ($\beta = 0,272$), Hệ thống Công nghệ thông tin ($\beta = 0,250$), Đạo đức nghề nghiệp ($\beta = 0,191$), Kỹ năng chuyên môn ($\beta = 0,117$), Hệ thống bảo mật ($\beta = 0,104$), cuối cùng là biến Tuân thủ quy trình ($\beta = 0,065$).

Do đó, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giải thích của mô hình hồi quy.

**BẢNG 1: TỔNG HỢP MÔ TẢ CÁC BIẾN NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ**

Tên biến	KH biến	Đo lường	Dấu kỳ vọng	Cơ sở chọn biến
Biến phụ thuộc				
Kiểm soát rủi ro	Y	1 = Kiểm soát rủi ro tốt 0 = Kiểm soát rủi ro không tốt		
Biến độc lập				
Đạo đức nghề nghiệp	H1	1 = Nhân viên có đạo đức nghề nghiệp; 0 = ngược lại	+	Lê Thị Mai Hương (2013)
Sự tuân thủ quy trình	H2	1 = Nhân viên luôn tuân thủ quy trình kiểm soát RRHD; 0 = Ngược lại	+	Lê Thị Mai Hương (2013) Nguyễn Minh Ngọc (2014)
Kỹ năng chuyên môn	H3	1 = Nhân viên có chứng chỉ nghiệp vụ; 0 = Ngược lại	+	Bùi Mạnh Hùng (2016)
Hệ thống công nghệ thông tin	H4	1 = Hệ thống CNTT hiện đại; 0 = Ngược lại	+	Bùi Mạnh Hùng (2016)
Hệ thống bảo mật	H5	1 = Hệ thống bảo mật an toàn; 0 = Ngược lại	+	Bùi Mạnh Hùng (2016)
Kiến thức pháp luật	H6	1 = Nhân viên có kiến thức pháp luật chuyên sâu; 0 = Ngược lại	+	Lê Thị Mai Hương (2013) Nguyễn Minh Ngọc (2014)
Kinh nghiệm phòng ngừa rủi ro	H7	Số năm kinh nghiệm phòng ngừa rủi ro tính đến thời điểm nghiên cứu	+	Lê Thị Mai Hương (2013) Bùi Mạnh Hùng (2016)
Trộm cắp bên ngoài	H8	1 = Ngân hàng bị trộm cắp bên ngoài; 0 = Ngược lại	-	Nguyễn Minh Ngọc (2014)
Hỏa hoạn, thiên tai	H9	1 = Ngân hàng luôn gặp hỏa hoạn, thiên tai; 0 = Ngược lại	-	Nguyễn Minh Ngọc (2014)
Gian lận	H10	1 = Ngân hàng bị khách gian lận; 0 = Ngược lại	-	Lê Thị Mai Hương (2013) Nguyễn Minh Ngọc (2014)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2019

BẢNG 2: HỆ SỐ HỒI QUY

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn Hóa		Hệ số chuẩn hóa	Mức ý nghĩa	Thống kê cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn	Beta	t	Toleranc E	VIF	
(Constant)	0,231	0,148		-1,655	0,021		
ĐD	0,207	0,042	0,191	4,886	0,000	0,395	2,532
TTQT	0,057	0,026	0,065	2,189	0,029	0,693	1,442
KNCM	0,101	0,031	0,117	3,300	0,001	0,479	2,086
CNTT	0,275	0,062	0,250	4,254	0,000	0,606	1,450
BM	0,097	0,046	0,104	2,027	0,034	0,798	1,232
AHPL	0,265	0,034	0,272	7,830	0,000	0,501	1,996
KNPN	0,472	0,049	0,390	9,725	0,000	0,376	2,658
Tca	-0,024	0,033	-0,022	-0,728	0,467	0,686	1,458
HHTT	-0,040	0,035	-0,035	-1,134	0,257	0,633	1,580
GL	-0,025	0,430	-0,330	-3,230	0,345	0,579	1,086

Biến phụ thuộc: KSRR

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2019

Hàm ý chính sách

Kết quả ước lượng cho thấy, có 07 nhân tố ảnh hưởng đến RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh, cụ thể như sau: 05 biến có độ tin cậy 99% (Đạo đức nghề nghiệp của nhân viên ngân hàng;

Kỹ năng chuyên môn của nhân viên ngân hàng; Hệ thống CNTT; Kiến thức pháp luật của nhân viên ngân hàng; Kinh nghiệm phòng ngừa rủi ro của nhân viên ngân hàng) các nhân tố trên với mức ý nghĩa 1%. 02 biến có độ tin cậy 95% (Sự tuân thủ quy trình của nhân viên ngân hàng; Hệ thống bảo mật của ngân hàng) các nhân tố này với mức ý nghĩa 5%.

Với các kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp sau để hạn chế RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh:

Nhân tố đạo đức nghề nghiệp của nhân viên ngân hàng

Với độ tin cậy 99%, $\beta_1 = 0,207$ và các điều kiện khác không đổi, khi đạo đức nghề nghiệp của nhân viên ngân hàng tăng 1 đơn vị thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,027 đơn vị. Khi nhân tố này không được mỗi nhân viên ngân hàng đề cao, mức độ kiểm soát rủi ro không được kiểm soát tốt. Do đó, rất cần tập huấn, đào tạo về tầm



quan trọng của hạn chế RRHD đối với toàn thể nhân viên ngân hàng.

Nhân tố Sự tuân thủ quy trình của nhân viên ngân hàng

Với độ tin cậy 95%, $\beta_2 = 0,057$ và các điều kiện khác không đổi, khi sự tuân thủ quy trình của nhân viên ngân hàng tăng 1 đơn vị, thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,057 đơn vị. Điều này lý giải, khi nhân viên ngân hàng tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ trong ngân hàng, khách hàng cảm thấy yên tâm về sự minh bạch thông tin.

Nhân tố Kỹ năng chuyên môn của nhân viên ngân hàng

Với độ tin cậy 99%, $\beta_3 = 0,10$ với các điều kiện khác không đổi, khi kỹ năng chuyên môn của nhân viên ngân hàng tăng 1 đơn vị, thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,101 đơn vị. Đây là một nhân tố quan trọng đánh giá mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank. Nhân viên có kỹ năng chuyên môn cao, luôn chia sẻ khó khăn với khách hàng khi họ gặp phải, luôn tiếp thu ý kiến đóng góp của khách hàng giải quyết, trao đổi một cách nhanh chóng. Khi ngân hàng đáp ứng được các yếu tố trên thì mức độ kiểm soát RRHD sẽ tăng cao.

Nhân tố Hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng

Với độ tin cậy 99%, $\beta_4 = 0,275$ và các điều kiện khác không đổi, khi Hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng tăng 1 đơn vị, thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,275 đơn vị. Điều này đồng nghĩa với việc ngân hàng tăng cường đầu tư công nghệ thông tin hiện đại sẽ giúp giải quyết công việc một cách nhanh chóng, chính xác, giảm chi phí, đồng thời cho phép kiểm soát hiệu quả từ xa. Như vậy, cần tăng cường các giải pháp tự động hóa thay thế dần các giao dịch thủ công trong giao dịch. Hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng có ảnh hưởng lớn và tỷ lệ thuận đến mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank.

Nhân tố Hệ thống bảo mật của Ngân hàng

Với độ tin cậy 95%, $\beta_5 = 0,097$ và các điều kiện khác không đổi, khi Hệ thống bảo mật của Ngân hàng tăng 1 đơn vị, thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,097 đơn vị. Khi Ngân hàng đáp ứng được các yếu tố bảo mật thông tin của khách hàng (như: tên, tuổi, số tài khoản, số điện thoại, mã pin, các giao dịch), thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank sẽ tăng cao, đồng nghĩa với

việc nhanh chóng tăng số lượng khách hàng giao dịch với Sacombank Chi nhánh Trà Vinh.

Nhân tố Am hiểu kiến thức pháp luật của nhân viên Ngân hàng

Với độ tin cậy 99%, $\beta_6 = 0,265$ và các điều kiện khác không đổi, khi am hiểu kiến thức pháp luật của nhân viên ngân hàng tăng 1 đơn vị thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,265 đơn vị. Nhân viên am hiểu pháp luật sẽ không làm trái, cũng như hướng dẫn đúng cho khách hàng chủ động tránh rủi ro. Do vậy, việc nâng cao, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phải được Ngân hàng quan tâm đưa vào kế hoạch hoạt động của năm.

Nhân tố Kinh nghiệm phòng ngừa rủi ro của nhân viên Ngân hàng

Với độ tin cậy 99%, $\beta_7 = 0,472$ và các điều kiện khác không đổi, khi kinh nghiệm phòng ngừa rủi ro của nhân viên ngân hàng tăng 1 đơn vị, thì mức độ kiểm soát RRHD tại Sacombank Chi nhánh Trà Vinh tăng thêm 0,472 đơn vị. Việc nâng cao kinh nghiệm của nhân viên ngân hàng phụ thuộc một phần vào tự giác cá nhân trong chia sẻ trao đổi, quan điểm của Ban giám đốc.

Tài liệu tham khảo:

1. Ngân hàng Nhà nước (2005), Quyết định số 493/2005/QĐ- NHNN ngày 22/04/2005 ban hành quy định về phân loại nợ phải trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng;
2. Ngân hàng Nhà nước (2013), Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động;
3. Bùi Mạnh Hùng (2016), Giải pháp hạn chế rủi ro hoạt động tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Thanh Trì, Luận văn Thạc sĩ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;
4. Phan Thị Thu Hà (2013), Ngân hàng thương mại, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
5. Trần Thị Thanh Hóa (2019), rủi ro hoạt động tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Học viện Bưu chính Viễn Thông;
6. Trần Huy Hoàng (2007), Quản lý rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, NXB Thống kê;
7. Lê Thị Mai Hương (2013), Tăng cường quản lý rủi ro hoạt động tại NHTMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.

Thông tin tác giả:

TS. Lê Thành Lân, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,
Dương Thị Thanh Phương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
Chi nhánh Trà Vinh

Email: lan.mc71@gmail.com;

duongthithanhphuongtvi123@gmail.com